

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG CẦN THƠ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho kỳ báo cáo tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1-2
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	3-4
Bảng cân đối kế toán	5-6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh báo cáo tài chính	9-21

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG CẦN THƠ

Báo cáo của Ban Giám Đốc

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 đã được kiểm toán.

KHÁI QUÁT CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xi Măng Cần Thơ (sau đây được gọi là Công ty) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ty cổ phần số 5703000096 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư TP. Cần Thơ cấp lần đầu ngày 22/04/2004.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 40.000.000.000 đ (Bốn mươi tỷ đồng chẵn)
Cổ phiếu của Công ty chính thức được niêm yết và giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HaSTC) kể từ ngày 18 tháng 09 năm 2008 với mã chứng khoán là CCM.

Hoạt động chính của Công ty là:

Sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng, xi măng PCB30 và PCB40 theo TCVN 6260: 1997. Xuất khẩu xi măng các loại. Nhập khẩu: thiết bị, phụ tùng thay thế, clinke, thạch cao phục vụ cho sản xuất xi măng, hạt nhựa PP, PE, các loại giấy làm vỏ bao xi măng. Vận tải hàng hóa đường thủy và đường bộ. Xây dựng dân dụng. Đầu tư xây dựng kinh doanh hạ tầng khu dân cư. Kinh doanh bất động sản. Sản xuất kinh doanh hơi kỹ nghệ. Kinh doanh xăng, dầu, gas, nhớt, khí đốt (có giấy chứng nhận của Sở Công Thương). Đầu tư trồng, khai thác và chế biến các sản phẩm từ cây công, nông nghiệp. Đóng mới và sửa chữa tàu thuyền. Khai thác kinh doanh, xuất nhập khẩu khoáng sản. Sản xuất kinh doanh phôi thép, quặng sắt và sơn các loại. Sản xuất kinh doanh tràng thạch (Fespat), đá Granite nhân tạo, thạch anh, gạch block, gạch các loại. Khai thác, kinh doanh cát, đá xây dựng. Đầu tư tài chính. Bốc dỡ hàng hóa. Tư vấn thiết kế kết cấu công trình dân dụng cấp IV. Tư vấn lập dự án xây dựng. Mua bán vỏ chai, vật tư, phụ tùng thiết bị hơi kỹ nghệ các loại. Kinh doanh que hàn kỹ thuật, thiết bị cơ khí. Sản xuất kinh doanh bê tông tươi, bê tông đúc sẵn.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng đính kèm báo cáo này (từ trang 5 đến trang 21).

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2009 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ
Ông Thái Minh Thuyết	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Hồng Nguyên	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Út Em	Thành viên
Ông Trương Ngọc Quang	Thành viên
Ông Trần Minh Quang	Thành viên

Ban Kiểm soát

Họ và tên

Bà Nguyễn Kim Hoàng
Ông Tạ Thanh Hùng
Ông Phạm Tấn Ngọc

Chức vụ

Trưởng Ban
Thành viên
Thành viên

Ban Giám Đốc

Họ và tên

Ông Thái Minh Thuyết
Ông Trương Ngọc Quang
Ông Tạ Thanh Hùng
Ông Trần Kỳ Xiết
Ông Lê Hoàng Kha

Chức vụ

Tổng Giám Đốc
Phó Tổng Giám Đốc
Phó Tổng Giám Đốc
Phó Tổng Giám Đốc
Kế Toán Trưởng

Xác nhận của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Chúng tôi, các thành viên của Ban Giám đốc Công ty xác nhận rằng, Báo cáo tài chính kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Công ty, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan.

Cần Thơ, ngày 10 Tháng 02 năm 2010
Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

THÁI MINH THUYẾT
Tổng Giám Đốc

Số : 2010322009

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

**VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO KỶ BÁO CÁO KẾT THÚC VÀO
NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2009 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG CẦN THƠ**

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG VÀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG CẦN THƠ**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Xi Măng Cần Thơ gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 18 tháng 01 năm 2010, từ trang 05 đến trang 21 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này trên kết quả cuộc kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo đúng các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các xét đoán và ước tính quan trọng của Ban Giám Đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã tạo ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Xi Măng Cần Thơ đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

ĐẠI DIỆN CÔNG TY KIỂM TOÁN MỸ (AA)

LÊ VĂN THANH

Giám Đốc

Kiểm toán viên Việt Nam

Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0357/KTV

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2010

NGUYỄN PHƯƠNG LAN ANH

Kiểm toán viên Việt Nam

Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0673/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG CẦN THƠ

Bảng cân đối kế toán

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tiền tệ: VND

TÀI SẢN	Mã Số	Thuyết minh	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU NĂM
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		101,684,636,741	70,711,463,005
I. Tiền & các khoản tương đương tiền	110		8,376,733,095	14,337,307,206
1. Tiền	111	V.01	8,376,733,095	14,337,307,206
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	15,387,792,854	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		16,974,630,472	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		(1,586,837,618)	-
III. Các khoản phải thu	130	V.03	57,142,856,825	33,990,876,983
1. Phải thu của khách hàng	131		57,711,350,248	35,496,567,844
2. Trả trước cho người bán	132		1,269,669,027	821,036,574
5. Các khoản phải thu khác	135		9,295,439	46,552,468
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139		(1,847,457,889)	(2,373,279,903)
IV. Hàng tồn kho	140	V.04	17,930,880,260	22,038,922,634
1. Hàng tồn kho	141		17,930,880,260	22,038,922,634
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	V.05	2,846,373,707	344,356,182
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1,464,409,220	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		1,381,964,487	344,356,182
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		45,425,701,462	35,610,852,084
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		20,677,444,950	22,531,953,011
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	16,878,616,347	13,378,026,775
- Nguyên giá	222		35,942,558,761	31,405,435,860
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(19,063,942,414)	(18,027,409,085)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	115,708,058	146,563,550
- Nguyên giá	228		215,988,406	215,988,406
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(100,280,348)	(69,424,856)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	3,683,120,545	9,007,362,686
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.13	22,649,362,519	10,277,012,109
1. Đầu tư vào công ty con	251		13,431,115,719	8,058,765,309
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		7,000,000,000	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		2,218,246,800	2,218,246,800
V. Tài sản dài hạn khác	260		2,098,893,993	2,801,886,964
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	2,098,693,993	2,801,686,964
3. Tài sản dài hạn khác	268		200,000	200,000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		147,110,338,203	106,322,315,089

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG CẦN THƠ

Bảng cân đối kế toán

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tiền tệ: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	Thuyết minh	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU NĂM
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		50,796,059,915	65,644,069,962
I. Nợ ngắn hạn	310		50,796,059,915	65,596,628,051
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	30,813,375,978	48,464,965,773
2. Phải trả cho người bán	312	V.15	14,478,491,472	14,976,801,291
3. Người mua trả tiền trước	313	V.15	612,738,058	6,900,000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	4,014,831,498	982,668,191
5. Phải trả công nhân viên	315		287,289,212	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn	319	V.18	589,333,697	1,165,292,796
II. Nợ dài hạn	330		-	47,441,911
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	47,441,911
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		96,314,278,288	40,678,245,127
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	96,516,226,303	40,878,557,299
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		40,000,000,000	27,500,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		33,450,000,000	1,500,000,000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		571,183,239	571,183,239
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		8,107,962,516	5,885,873,888
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		2,221,399,458	2,221,399,458
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		12,165,681,090	3,200,100,714
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		(201,948,015)	(200,312,172)
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		(204,448,015)	(202,812,172)
2. Nguồn kinh phí	432		2,500,000	2,500,000
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		147,110,338,203	106,322,315,089

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CĐKT	MÃ SỐ	Thuyết minh	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU NĂM
-------------------------------------	--------------	--------------------	-------------------	-------------------

5. Ngoại tệ các loại (USD)

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

Cần Thơ, ngày 10 Tháng 02 năm 2010

LÊ HOÀNG KHA
 Kế toán trưởng

THÁI MINH THUYẾT
 Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG CẦN THƠ

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Cho kỳ báo cáo tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tiền tệ: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết Minh	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	240,815,749,597	202,003,921,371
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		10,755,000	233,291,500
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		240,804,994,597	201,770,629,871
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.28	200,996,980,168	176,234,136,637
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		39,808,014,429	25,536,493,234
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.29	180,696,786	215,474,092
7. Chi phí tài chính	22	VI.30	4,475,978,224	6,411,500,868
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2,475,761,534	5,772,587,907
8. Chi phí bán hàng	24		8,253,893,914	4,828,648,220
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		3,562,761,947	5,401,267,240
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		23,696,077,130	9,110,550,998
11. Thu nhập khác	31		36,328,625	3,530,131,020
12. Chi phí khác	32		28,407,588	2,423,555,930
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		7,921,037	1,106,575,090
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		23,703,998,167	10,217,126,088
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.31	4,338,317,077	1,247,434,920
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.32	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		19,365,681,090	8,969,691,168
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		6,325	3,262

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

Cần Thơ, ngày 10 Tháng 02 năm 2010

LÊ HOÀNG KHA
Kế toán trưởng

THÁI MINH THUYẾT
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG CẦN THƠ

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Cho kỳ báo cáo tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Đơn vị tiền tệ: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	T M	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
I- LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1 Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		246,166,573,934	227,261,968,422
2 Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(218,995,353,743)	(220,848,686,571)
3 Tiền chi trả cho người lao động	03		(8,171,169,869)	(7,125,326,060)
4 Tiền chi trả lãi vay	04		(2,475,761,534)	(5,772,587,907)
5 Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(556,910,084)	(1,105,484,899)
6 Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		8,671,070,564	42,639,613,403
7 Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(27,293,713,775)	(13,446,284,638)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(2,655,264,507)	21,603,211,750
II- LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1 Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(686,501,674)	(6,638,374,292)
2 Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22			50,000,000
3 Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(10,000,000,000)	
4 Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(12,372,350,410)	(8,058,765,309)
5 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		154,857,742	28,200,283
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(22,903,994,342)	(14,618,939,318)
III - LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1 Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		44,450,000,000	-
2 Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		198,035,553,315	218,973,002,192
3 Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(215,687,143,110)	(209,150,716,530)
4 Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(7,200,000,000)	(7,722,500,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		19,598,410,205	2,099,785,662
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(5,960,848,644)	9,084,058,094
- Tiền và tương đương tiền tồn đầu kỳ	60		14,337,307,206	5,252,162,907
- Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		274,533	1,086,205
Tiền và tương đương tiền tồn cuối kỳ	70		8,376,733,095	14,337,307,206

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

Cần Thơ, ngày 10 Tháng 02 năm 2010

LÊ HOÀNG KHA
Kế Toán Trưởng

THÁI MINH THUYẾT
Tổng Giám Đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG CẦN THƠ

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho kỳ báo cáo tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Xi Măng Cần Thơ (sau đây được gọi là Công ty) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ty cổ phần số 5703000096 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư TP. Cần Thơ cấp lần đầu ngày 22/04/2004.

Công ty có trụ sở và nhà xưởng tại: Quốc lộ 80, Xã Thới Thuận, Huyện Thốt Nốt, TP. Cần Thơ.

2. Ngành nghề kinh doanh:

Sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng, xi măng PCB30 và PCB40 theo TCVN 6260: 1997. Xuất khẩu xi măng các loại. Nhập khẩu: thiết bị, phụ tùng thay thế, clinke, thạch cao phục vụ cho sản xuất xi măng, hạt nhựa PP, PE, các loại giấy làm vỏ bao xi măng. Vận tải hàng hóa đường thủy và đường bộ. Xây dựng dân dụng. Đầu tư xây dựng kinh doanh hạ tầng khu dân cư. Kinh doanh bất động sản. Sản xuất kinh doanh hơi kỹ nghệ. Kinh doanh xăng, dầu, gas, nhớt, khí đốt (có giấy chứng nhận của Sở Công Thương). Đầu tư trồng, khai thác và chế biến các sản phẩm từ cây công, nông nghiệp. Đóng mới và sửa chữa tàu thuyền. Khai thác kinh doanh, xuất nhập khẩu khoáng sản. Sản xuất kinh doanh phôi thép, quặng sắt và sơn các loại. Sản xuất kinh doanh trảng thạch (Feslpát), đá Granite nhân tạo, thạch anh, gạch block, gạch các loại. Khai thác, kinh doanh cát, đá xây dựng. Đầu tư tài chính. Bốc dỡ hàng hóa. Tư vấn thiết kế kết cấu công trình dân dụng cấp IV. Tư vấn lập dự án xây dựng. Mua bán vỏ chai, vật tư, phụ tùng thiết bị hơi kỹ nghệ các loại. Kinh doanh que hàn kỹ thuật, thiết bị cơ khí. Sản xuất kinh doanh bê tông tươi, bê tông đúc sẵn.

Theo giấy chứng nhận đầu tư, vốn đăng ký của Công ty là:

Vốn đầu tư : 40.000.000.000 (Bốn mươi tỷ đồng chẵn)

Vốn điều lệ: 40.000.000.000 (Bốn mươi tỷ đồng chẵn)

Thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm bằng 25% (Hai mươi lăm phần trăm) kể từ khi Công ty bắt đầu đi vào hoạt động.

Các loại thuế khác theo quy định hiện hành tại thời điểm nộp thuế hàng năm;

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm:

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

Đơn vị sử dụng đồng Việt Nam trong hạch toán kế toán.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng: Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Chế độ kế toán và chuẩn mực kế toán áp dụng: Doanh nghiệp thực hiện công tác kế toán theo Hệ thống Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và các chuẩn mực kế toán Việt Nam của Bộ Tài Chính ban hành.

Vì vậy, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và chế độ Kế toán Việt Nam.

3. Hình thức sổ kế toán áp dụng: Chứng từ ghi sổ trên máy vi tính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI DOANH NGHIỆP

1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền:

Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

Là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán:

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ đồng Việt nam được chuyển đổi sang đồng dollar Mỹ theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế của Ngân hàng Nhà nước vào ngày phát sinh nghiệp vụ.

Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ được hạch toán theo thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài Chính.

2. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho:

a. Nguyên tắc ghi nhận tồn kho:

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu

b. Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Bình quân gia quyền

c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kế khai thường xuyên

d. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Cuối kỳ kế toán năm, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho với giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong năm. Trong kỳ đơn vị chưa tiến hành trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

3 Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ)

a. TSCĐ hữu hình:

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình:

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được tính vào giá trị tài sản, chi phí bảo trì sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi (lỗ) nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được thể hiện theo nguyên giá. Nguyên giá này bao gồm chi phí xây dựng, giá trị máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang không được tính khấu hao cho đến khi các tài sản có liên quan được hoàn thành và đưa vào sử dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG CẦN THƠ

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho kỳ báo cáo tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình:

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao áp dụng theo thời gian quy định tại Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12 tháng 12 năm 2003 của Bộ Tài Chính, cụ thể như sau:

Loại TSCĐ	Thời gian (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	06
Máy móc thiết bị	06
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05

b. TSCĐ vô hình:

TSCĐ vô hình là giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn, thời gian khấu hao là 07 năm.

4 Ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư;

Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư:

Bất động sản đầu tư là tài sản phải thỏa mãn đồng thời hai điều kiện sau:

- (a) Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai; và
- (b) Nguyên giá của bất động sản đầu tư phải được xác định một cách đáng tin cậy.

Bất động sản đầu tư phải được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trực tiếp ban đầu.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá bất động sản đầu tư.

Nguyên tắc và phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư: áp dụng chính sách khấu hao nhất quán với chính sách khấu hao của tài sản cùng loại mà doanh nghiệp đang sử dụng.

5 Kế toán các khoản đầu tư tài chính;

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết:

(a) Khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Các khoản khác từ công ty liên kết mà nhà đầu tư nhận được ngoài cổ tức và lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi của các khoản đầu tư và được ghi giảm giá gốc khoản đầu tư.

(b) Khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo giá gốc.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn: Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn ước tính vào thời điểm cuối năm tài chính.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác: được ghi nhận theo giá gốc.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn:

Cuối kỳ kế toán năm, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của chứng khoán đầu tư nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Số dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của chứng khoán đầu tư lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

6 Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay (CPĐV) và chi phí khác;

Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí đi vay:

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó. Các chi phí đi vay được vốn hóa khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí đi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG CẦN THƠ

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho kỳ báo cáo tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

7 Nguyên tắc ghi nhận doanh thu:

a. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu bán hàng:

Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;

Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;

Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

b. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ:

Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Xác định được phần công việc đã hoàn thành.

Xác định được chi phí phát sinh và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

15 Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

Nguyên tắc ghi nhận:

Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận theo giá gốc trừ các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi ước tính vào thời điểm cuối năm tài chính.

Lập dự phòng phải thu khó đòi:

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ 1 năm trở lên doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng chưa thu được nợ và các khoản nợ dưới 1 năm nhưng con nợ có dấu hiệu không trả được nợ. Tăng hoặc giảm khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi được tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

Trong kỳ đơn vị chưa tiến hành trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi

Các bên liên quan;

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tiền tệ: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2009	01/01/2009
Tiền mặt tại quỹ	1,612,797,106	744,473,210
Tiền gửi ngân hàng	6,763,935,989	13,592,833,996
Tiền đang chuyển	-	-
Tổng cộng	8,376,733,095	14,337,307,206

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

Công ty Cổ phần Xây dựng Công Trình Ngâm	903,000,000	-
Công ty Cổ phần Mirae	444,090,000	-
Công ty Cổ phần Thủy Hải Sản Minh Phú	442,216,000	-
Công ty Cổ phần Văn hóa Phương Nam	81,216,000	-
Công ty Cổ phần Điện lạnh (Ree)	2,267,720,000	-
Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam	1,108,653,000	-
Đầu tư khác	140,897,854	-
Tiền gửi tiết kiệm ngắn hạn	10,000,000,000	-
Cộng giá trị thuần đầu tư tài chính ngắn hạn	15,387,792,854	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG CẦN THƠ

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho kỳ báo cáo tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**3. Các khoản phải thu ngắn hạn**

	31/12/2009	01/01/2009
a. Phải thu khách hàng	57,711,350,248	35,496,567,844
Công ty CP Nam Sơn	530,152,122	1,866,542,042
Công ty TNHH Đức Khang	1,400,881,460	1,359,487,883
Ba Châu	932,446,654	414,211,592
Nguyễn Lê Vinh	6,263,595,134	4,125,582,596
DNTN Phước Đức	422,331,016	-
DNTN Tiết Cuội (Hứa Muội)	853,223,338	423,593,175
Huỳnh Đăng Khoa- DNTN Huỳnh Gia	6,340,613,968	2,421,338,171
Tổng Thị Kim Chi - Cty TNHH Phước Nguyên	5,302,548,730	1,212,359,944
DNTN Phúc Vinh - Đỗ Thị Tuyết Mai	1,026,560,458	198,805,721
Công ty TNHH Phan Thành	-	274,092,619
DNTN Ngọc Phát	1,715,029,683	580,134,944
Công ty CPGT 586 Cần Thơ	1,217,660,456	-
Trần Chí Cường	465,564,060	467,414,056
Đoàn Hữu An - DNTN Hữu An	570,721,006	515,584,900
Lý Quốc Đoàn - CHVLXD Hiệp Thành	1,416,480,943	1,033,060,018
Nguyễn Thị An - DNTN Đồng Tâm	329,614,954	180,400,000
Công ty TNHH Quốc Thái	1,764,956,602	2,164,901,602
Công ty TNHH TM Tấn Đạt	792,441,489	1,159,992,190
Công ty CPTVTM Hoàng Quân	1,530,889,821	
Công ty CP XD Phú Thành	1,145,599,721	
Các khách hàng khác	23,690,038,633	17,099,066,391
b. Trả trước cho nhà cung cấp	1,269,669,027	821,036,574
Công ty CP Vật Tư XL Công Nghiệp & Dân Dụng	225,770,126	225,770,126
Công ty TNHH Hưng Long	-	438,500,000
Chengdu Shenglin Machinery Electric	-	105,576,696
Công ty TNHH SX Phim & QC Ngô Gia	79,200,000	-
Các nhà cung cấp khác	964,698,901	51,189,752
c. Các khoản phải thu khác	9,295,439	46,552,468
<i>Các khoản phải thu khác</i>	9,295,439	1,406,169
<i>Ứng trước tiền lương cho CB CNV</i>		45,146,299
Tổng cộng	58,990,314,714	36,364,156,886
Dự phòng phải thu khó đòi	(1,847,457,889)	(2,373,279,903)
Giá trị thuần phải thu thương mại, phải thu khác	57,142,856,825	33,990,876,983

4. Hàng tồn kho

	31/12/2009	01/01/2009
Nguyên liệu, vật liệu	14,516,924,762	19,442,513,308
Công cụ, dụng cụ	53,184,275	118,971,865
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1,902,200,600	334,717,274
Thành phẩm	1,222,955,806	1,858,365,842
Hàng hoá	235,614,817	284,354,345
Cộng giá gốc hàng tồn kho	17,930,880,260	22,038,922,634
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được	17,930,880,260	22,038,922,634

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG CẦN THƠ

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho kỳ báo cáo tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**5. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước**

	31/12/2009	01/01/2009
Thuế giá trị gia tăng còn được khấu trừ	1,464,409,220	-
Tổng cộng	1,464,409,220	-

6. Phải thu dài hạn nội bộ**7. Phải thu dài hạn khác****8. Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

Chỉ tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện, vận tải, truyền đẫn	Thiết bị, dụng cụ, quản lý	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ					
Số đầu năm	6,152,999,773	16,921,208,692	7,395,754,318	935,473,077	31,405,435,860
Tăng trong kỳ	-	1,093,653,036	7,709,176,424	26,616,908	8,829,446,368
Mua trong kỳ		1,093,653,036	2,425,720,740	26,616,908	3,545,990,684
Đầu tư XD CB			5,283,455,684		5,283,455,684
Giảm trong kỳ	4,271,773,709 (*)			20,549,758	4,292,323,467
Số dư cuối năm	1,881,226,064	18,014,861,728	15,104,930,742	941,540,227	35,942,558,761
HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	5,071,857,946	9,791,389,008	2,763,876,646	400,285,485	18,027,409,085
Tăng trong kỳ	523,825,006	3,658,883,484	1,231,262,445	101,590,168	5,515,561,103
Giảm trong kỳ	4,458,478,016 (*)			20,549,758	4,479,027,774
Số dư cuối năm	1,137,204,936	13,450,272,492	3,995,139,091	481,325,895	19,063,942,414
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số đầu năm	1,081,141,827	7,129,819,684	4,631,877,672	535,187,592	13,378,026,775
Số cuối kỳ	744,021,128	4,564,589,236	11,109,791,651	460,214,332	16,878,616,347

(*) Ghi giảm nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của những tài sản cố định đã khấu hao hết trong kỳ.

9. Tình hình tăng giảm tài sản cố định thuê tài chính (TSCĐ thuê TC)**10. Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình**

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ		
Số đầu năm	215,988,406	215,988,406
Tăng trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
Số dư cuối năm	215,988,406	215,988,406
HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư đầu năm	69,424,856	69,424,856
Tăng trong kỳ	30,855,492	30,855,492
Giảm trong kỳ	-	-
Số dư cuối năm	100,280,348	100,280,348
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Số đầu năm	146,563,550	146,563,550
Số cuối kỳ	115,708,058	115,708,058

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG CẦN THƠ

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho kỳ báo cáo tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	31/12/2009	01/01/2009
- Xây dựng nhà máy xi măng Hưng Phú	3,600,645,545	3,600,645,545
- Sà lan	-	5,190,153,972
- Máy kiểm định vỏ chai oxy	-	150,000,000
- Khác	82,475,000	66,563,169
Tổng cộng	3,683,120,545	9,007,362,686

12. Tăng giảm bất động sản đầu tư**13. Đầu tư tài chính dài hạn.**

	31/12/2009	01/01/2009
Công ty TNHH Cavico Group	8,381,115,719	8,058,765,309
Công ty TNHH một thành viên Xi măng Cần Thơ - Hậu Giang	5,050,000,000	-
Công ty TNHH Thái Hưng	7,000,000,000	-
Công ty cổ phần COSEVCO 6	2,178,246,800	2,178,246,800
Đầu tư dài hạn khác	40,000,000	40,000,000
Tổng cộng	22,649,362,519	10,277,012,109
Dự phòng các khoản đầu tư	-	-
Giá trị thuần đầu tư tài chính dài hạn	22,649,362,519	10,277,012,109

14. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Kết chuyển	
			vào chi phí trong kỳ	Số cuối năm
Vỏ chai Oxy	2,553,514,158		861,600,000	1,691,914,158
Vỏ Arsgon + Acetylen	80,880,806		28,188,000	52,692,806
Chi phí thuê kho	167,292,000		117,424,000	49,868,000
Thiết bị dây truyền SX Oxy	-	366,936,740	62,717,711	304,219,029
Cộng	2,801,686,964	366,936,740	1,069,929,711	2,098,693,993

15. Các khoản vay và nợ ngắn hạn**a. Vay ngắn hạn**

	31/12/2009	01/01/2009
Ngân hàng Công Thương CN Cần Thơ (*)	30,275,568,679	39,740,000,000
Ngân Hàng Đầu Tư & PT CN Cần Thơ (**)	537,807,299	7,874,965,773
Lý Hà Bích Phượng	-	200,000,000
Lê Quốc Khải	-	80,000,000
Tạ Thanh Kim	-	100,000,000
Nguyễn Văn Chè	-	70,000,000
Trịnh Thị Anh Tuyết	-	300,000,000
Lý Hà Bích Thắm	-	100,000,000
Tổng cộng	30,813,375,978	48,464,965,773

(*) Khoản vay của Ngân hàng Công Thương CN Cần Thơ theo HĐTD số: 07.10.0001 ngày 15/05/2007 và HĐTD số 08.10.0011 ngày 15/07/2008.

(**) Khoản vay của Ngân hàng Đầu tư & Phát triển CN Cần Thơ theo HĐTD số 01/2007/HĐ ngày 22/11/2007 và HĐTD số 001/2009/HĐ ngày 20/05/2009.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG CẦN THƠ

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho kỳ báo cáo tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**b. Phải trả người bán**

	31/12/2009	01/01/2009
Công ty CP Đầu Tư & TM DIC	-	-
Cơ Sở Đăng Văn Bình	116,130,000	351,615,995
Công ty Contrexim Sài Gòn	-	9,045,201,125
Công ty CP SADICO Cần Thơ	2,712,313,995	2,029,625,290
Công ty CP Xi Măng Công Thanh	10,239,934,477	2,821,799,200
Cơ Sở Nguyễn Thanh Quang	100,000,000	-
Công ty CP Khoáng Sản Hiệp Lực	462,981,200	317,568,622
Công ty TNHH Vnaconex	295,596,000	-
Khác	551,535,800	410,991,059
Tổng cộng	14,478,491,472	14,976,801,291

c. Người mua trả tiền trước

	31/12/2009	01/01/2009
Dương Văn Tỷ		-
Huỳnh Văn Giới	602,000,000	
Cty TNHH Thái Hưng - Nguyễn Thị Út Em		-
Khác	10,738,058	6,900,000
Tổng cộng	612,738,058	6,900,000

16. Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước

	31/12/2009	01/01/2009
Thuế GTGT	-	753,753,115
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4,010,282,332	228,875,339
Thuế thu nhập cá nhân	4,549,166	39,737
Tổng cộng	4,014,831,498	982,668,191

17. Chi phí phải trả**18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	31/12/2009	01/01/2009
Tài sản thừa chờ xử lý	378,464,275	-
Kinh phí công đoàn	47,904,782	26,570,254
Bảo hiểm xã hội, y tế	187,030	46,063,080
Kinh phí công đoàn	27,610	6,909,462
Nhận ký quỹ ký cược ngắn hạn	-	95,750,000
Các khoản phải trả phải nộp khác	162,750,000	990,000,000
Tổng cộng	589,333,697	1,165,292,796

19. Phải trả dài hạn nội bộ**20. Các khoản vay và nợ dài hạn****21. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG CẦN THƠ

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho kỳ báo cáo tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**22. Vốn chủ sở hữu:****a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu năm trước**

Khoản mục	Số dư đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số dư cuối năm
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	27,500,000,000			27,500,000,000
Thặng dư vốn cổ phần	1,500,000,000			1,500,000,000
Vốn khác của chủ sở hữu	571,183,239			571,183,239
Cổ phiếu quỹ				-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản				-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái				-
Quỹ đầu tư phát triển	5,885,873,888			5,885,873,888
Quỹ dự phòng tài chính	2,221,399,458	-		2,221,399,458
Quỹ khác thuộc VCSH				-
Lợi nhuận st chưa phân phối	(5,769,590,454)	8,969,691,168		3,200,100,714
Nguồn vốn đầu tư XDCB				-
Tổng cộng	31,908,866,131	8,969,691,168	-	40,878,557,299

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu năm nay

Khoản mục	Số dư đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số dư cuối năm
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	27,500,000,000	12,500,000,000		40,000,000,000
Thặng dư vốn cổ phần	1,500,000,000	31,950,000,000		33,450,000,000
Vốn khác của chủ sở hữu	571,183,239			571,183,239
Cổ phiếu quỹ	-			-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-			-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-			-
Quỹ đầu tư phát triển	5,885,873,888	2,222,088,628		8,107,962,516
Quỹ dự phòng tài chính	2,221,399,458			2,221,399,458
Quỹ khác thuộc VCSH	-			-
Lợi nhuận st chưa phân phối	3,200,100,714	19,365,681,090	10,400,100,714	12,165,681,090
Nguồn vốn đầu tư XDCB	-	-	-	-
Tổng cộng	40,878,557,299	66,037,769,718	10,400,100,714	96,516,226,303

(*) Chi tiết giảm trong năm:

+ Chia cổ tức	7,200,000,000
+ Quỹ khen thưởng phúc lợi	978,012,086
+ Quỹ đầu tư và phát triển	2,222,088,628

b. Cổ phiếu

	31/12/2009	01/01/2009
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2,750,000	2,750,000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4,000,000	2,750,000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Cổ phiếu phổ thông	4,000,000	2,750,000
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4,000,000	2,750,000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Cổ phiếu phổ thông	4,000,000	2,750,000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG CẦN THƠ

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho kỳ báo cáo tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**c. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	19,365,681,090	8,969,691,168
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
- Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	19,365,681,090	8,969,691,168
- Số cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	3,061,644	2,750,000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	6,325	3,262

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.**1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	240,815,749,597	202,003,921,371
Doanh thu bán hàng hoá và dịch vụ	240,815,749,597	202,003,921,371

2. Các khoản giảm trừ doanh thu:

Chiết khấu thương mại	10,755,000	233,291,500
-----------------------	------------	-------------

3. Doanh thu thuần

	240,804,994,597	201,770,629,871
--	------------------------	------------------------

4. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã bán.	200,996,980,168	176,234,136,637
Tổng cộng	200,996,980,168	176,234,136,637

5. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	180,696,786	215,474,092
Tổng cộng	180,696,786	215,474,092

6. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	2,475,761,534	5,772,587,907
Dự phòng đầu tư tài chính	1,586,837,618	-
Chi phí khác	413,379,072	638,912,961
Tổng cộng	4,475,978,224	6,411,500,868

7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành.	4,338,317,077	1,247,434,920
Tổng cộng	4,338,317,077	1,247,434,920

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**9. Thu nhập khác**

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	36,328,625	3,530,131,020
Tổng cộng	36,328,625	3,530,131,020

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG CẦN THƠ

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho kỳ báo cáo tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

10. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Chi phí khác	28,407,588	2,423,555,930
	28,407,588	2,423,555,930

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

11. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng.

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những khoản nợ ngẫu nhiên, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác.
2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm
3. Thông tin về các bên liên quan
4. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận
5. Một số chỉ số đánh giá tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp

Chỉ tiêu	Năm 2009	Năm 2008
1. Bộ trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn		
1.1 Bộ trí cơ cấu tài sản (%)		
- Tài sản dài hạn / Tổng Tài sản	30.88%	33.49%
- Tài sản ngắn hạn / Tổng tài sản	69.12%	66.51%
1.2 Bộ trí cơ cấu nguồn vốn (%)		
- Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn	34.53%	61.74%
- Nguồn vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn	65.47%	38.26%
2. Khả năng thanh toán		
2.1 Khả năng thanh toán hiện hành (lần)	2.90	1.62
2.2 Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn (lần)	2.00	1.08
2.3 Khả năng thanh toán nhanh (lần)	0.16	0.22
2.4 Khả năng thanh toán nợ dài hạn (lần)		
3. Tỷ suất sinh lời		
3.1 Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu thuần (%)		
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	9.84%	5.06%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	8.04%	4.45%
3.2 Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (%)		
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	16.11%	9.61%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên Tổng Tài sản	13.16%	8.44%
3.3 Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên nguồn vốn chủ sở hữu	20.06%	21.94%

6. Thông tin về hoạt động liên tục

7. Những thông tin khác.

Theo Nghị quyết Hội Đồng Quản Trị của Công ty Cổ Phần Xi Măng Cần Thơ số 10/2009/NQ-HĐQT ngày 02 tháng 11 năm 2009 thì Công ty tạm chia cổ tức năm 2009 bằng tiền mặt 18% (1.800 đ/ mệnh giá cổ phiếu) với tổng số tiền là 7.200.000.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG CẦN THƠ

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho kỳ báo cáo tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cần Thơ, ngày 10 Tháng 02 năm 2010

LÊ HOÀNG KHA

Kế toán trưởng

THÁI MINH THUYẾT

Tổng Giám đốc